

Số: *1924*/QĐ-STC

Thừa Thiên Huế, ngày *15* tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 86/QĐ-UB ngày 15/12/2016 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2019;

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh 6 tháng đầu năm 2020 theo các biểu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).



GIÁM ĐỐC



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh với dự toán	So sánh với cùng kỳ
A	B	3	2	3=2/1	4,0
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	7.607.000	4.015.350	52,8	105,3
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	7.085.000	3.802.850	53,7	106,2
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	492.000	205.000	41,7	91,2
3	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN	30.000	7.500	25,0	140,5
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG	11.781.092	5.595.975	47,5	110,9
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (gồm thu để lại chi)	6.485.200	3.525.350	54,4	107,3
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.295.892	2.070.625	39,1	188,2
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách (gồm bổ sung tiền lương)	1.931.474	965.737	50,0	173,6
-	Thu bổ sung có mục tiêu	3.364.418	1.104.888	32,8	203,1
3	Thu kết dư	0	0		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	0		
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.971.892	4.721.924	39,4	103,8
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	11.315.464	4.450.626	39,3	102,0
1	Chi đầu tư phát triển	4.257.619	1.127.090	26,5	111,7
2	Chi thường xuyên	6.752.716	3.323.157	49,2	99,1
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0		
4	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	6.400	379	5,9	31,6
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	0		
6	Dự phòng ngân sách	184.549	0		
7	Chi cải cách tiền lương	113.000	0		
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu	626.428	263.834	42,1	144,2
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	388.973	155.000	39,8	180,2
2	Chi chương trình, mục tiêu sự nghiệp	237.455	108.834	45,8	112,2
V	Chi từ khoản huy động đóng góp	30.000	7.465	24,9	138,9

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh với dự toán	So sánh với cùng kỳ
A	B	3	2	3=2/1	4,0
D	BỘI THU, BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (+ BỘI THU, - BỘI CHI)	-190.800	874.051		
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	144.300	0	0,0	0,0
1	Vay trong nước	0	0		
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	144.300	0	0,0	0,0
F	TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	14.550	14.550	100,0	41,6
1	Từ nguồn vay mới để trả nợ gốc	0	0		
2	Từ bội thu ngân sách địa phương	14.550	14.550	100,0	41,6
3	Tăng thu, tiết kiệm chi	0	0		
4	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	0		

THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

NỘI DUNG	HĐND tỉnh giao	Thực hiện 6 tháng đầu năm	So sánh thực hiện với	
			Dự toán	Cùng kỳ
	1	2	3=2/1	4
A. TỔNG CÁC KHOẢN THU NSNN (I + II + III)	7.607.000	4.015.350	53	105
I- THU NỘI ĐỊA	7.085.000	3.802.850	54	106
Thu nội địa không gồm tiền sử dụng đất, thu xổ số, thu phí tham quan di tích	5.950.000	2.638.850	44	92
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	215.000	76.000	35	81
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	230.000	103.000	45	92
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.300.000	1.094.000	48	102
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.210.000	494.000	41	82
5. Thuế bảo vệ môi trường	730.000	338.000	46	99
<i>Trong đó: Thuế xuất nhập khẩu xăng dầu cơ quan Hải quan quản lý</i>	<i>458.400</i>	<i>212.000</i>	<i>46</i>	<i>99</i>
6. Thuế thu nhập cá nhân	385.000	198.000	51	98
7. Lệ phí trước bạ	275.000	106.000	39	75
8. Thu phí, lệ phí	430.000	132.000	31	63
- Phí, lệ phí cơ quan Trung ương thực hiện thu	40.000	18.000	45	96
- Phí, lệ phí cơ quan địa phương thực hiện thu	130.000	59.000	45	89
- Phí tham quan di tích cổ đô Huế	260.000	55.000	21	44
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.900	4.000	31	59
10. Tiền sử dụng đất	800.000	1.070.000	134	188
- Ngân sách tỉnh	300.000	284.000	95	247
- Ngân sách huyện	500.000	786.000	157	173

NỘI DUNG	HĐND tính giao	Thực hiện 6 tháng đầu năm	So sánh thực hiện với	
			Dự toán	Cùng kỳ
	1	2	3=2/1	4
11. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	155.000	29.000	19	62
12. Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	2.000	550	28	55
13. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	45.000	24.000	53	52
- Do Trung ương cấp	37.400	20.000	53	77
- Do địa phương cấp	7.600	4.000	53	20
14. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	75.000	39.000	52	103
15. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	25.000	12.000	48	92
16. Thu khác ngân sách	190.100	79.000	42	86
<i>Trong đó: + Thu khác ngân sách trung ương</i>	<i>94.000</i>	<i>35.000</i>	<i>37</i>	<i>83</i>
17. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại	5.000	4.300	86	143
II- THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	492.000	205.000	42	91
III - THU VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	30.000	7.500	25	150

CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020 địa phương	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	So sánh với	
				Với dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.971.892	4.721.924	39,44	103,76
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	11.315.464	4.450.626	39,33	102,01
I	Chi đầu tư phát triển (*)	4.257.619	1.127.090	26,47	111,70
1	Vốn đầu tư XDCB tập trung	760.000	277.450	36,51	117,36
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	785.450	397.063	50,55	79,89
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000	49.300	65,73	158,01
4	Chi đầu tư từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	2.431.819	395.645	16,27	182,32
a	Vốn ngoài nước	1.126.658	171.450	15,22	250,66
b	Vốn trong nước	1.293.361	214.165	16,56	152,54
c	Vốn trái phiếu chính phủ	11.800	10.030	85,00	115,29
5	Chi đầu tư từ nguồn vốn vay Chính phủ về cho vay lại (**)	205.350	7.633	3,72	69,39
II	Chi thường xuyên	6.752.716	3.323.157	49,21	99,11
1	Chi quốc phòng	150.024	78.211	52,13	84,68
2	Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội				
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.963.823	1.353.176	45,66	91,62
4	Chi y tế, dân số và gia đình	660.674	357.865	54,17	120,94
5	Chi khoa học và công nghệ	41.024	15.384	37,50	100,37
6	Chi văn hóa thông tin	101.626	41.102	40,44	54,09
7	Chi phát thanh, truyền hình	39.095	11.348	29,03	101,53
8	Chi thể dục thể thao	34.927	11.839	33,90	75,70
9	Chi bảo đảm xã hội	422.784	360.534	85,28	177,17
10	Chi các sự nghiệp kinh tế	729.075	253.823	34,81	69,67
11	Chi sự nghiệp môi trường	222.678	89.071	40,00	79,43
12	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	1.341.228	720.424	53,71	108,99
13	Chi sự nghiệp khác	45.758	30.379	66,39	108,69

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020 địa phương	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	So sánh với	
				Với dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
III	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	6.400	379	5,92	31,58
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	0	0,00	0,00
V	Dự phòng ngân sách	184.549	0	0,00	0,00
VI	Chi cải cách tiền lương	113.000	0	0,00	0,00
B	CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	30.000	7.465	24,88	134,82
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	626.428	263.834	42,12	144,16
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	388.973	155.000	39,85	180,21
2	Chi mục tiêu sự nghiệp	237.455	108.834	45,83	112,20

Ghi chú: (*) Chi đầu tư phát triển giải ngân thấp chủ yếu do nguồn vốn ngoài nước đạt thấp và vốn trung ương bổ sung mục tiêu cho dự án di dời, GPMB di tích kinh thành Huế chưa được bổ sung vốn (nếu không tính nguồn vốn ngoài nước và chi đầu tư GPMB di tích kinh thành Huế thì chi đầu tư đạt khoảng 40% dự toán)

